

Số: 163/KH-XD

Tuy Phước, ngày 22 tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH
Tổ chức lựa chọn môn học và chuyên đề học tập
Năm học 2024-2025

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Kế hoạch số 770/KH-BGDĐT ngày 11/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch thực hiện môn Lịch sử trong chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018;

Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 3/8/2022 sửa đổi một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Bình Định Bình Định về Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Công văn số 1045/SGDĐT-GDTrH ngày 13/5/2022 của Sở Giáo dục Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 và quy định sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành tại Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT;

Công văn số 2111/SGDĐT-GDTrH ngày 08/08/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Tình hình đội ngũ, cơ sở vật chất và biên chế lớp học của trường, đơn đăng ký của học sinh, trình độ, kết quả điểm thi tuyển vào lớp 10, kết quả học lực các năm học ở bậc THCS, Kết quả học tập năm học 2023- 2024, nhà trường xếp học sinh vào các lớp phù hợp.

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Tổ chức tư vấn, định hướng cho phụ huynh và học sinh lớp 10, lớp 11 VÀ LỚP 12 năm học 2024-2025 thực hiện lựa chọn tổ hợp các môn học theo đúng quy định của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 3/8/2022 sửa đổi một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Việc xây dựng các môn lựa chọn và các cụm chuyên đề học tập giúp định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thuận lợi khi tham gia thi, xét tuyển hoặc đáp ứng yêu cầu sử dụng kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển vào các trường Đại học, cao đẳng.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với phẩm chất, năng lực, nguyện vọng của học sinh khi học tập.
- Phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường.
- Đảm bảo tính chủ động, hiệu quả trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.

III. Biên chế lớp học và lựa chọn môn học, chuyên đề học tập của học sinh

A. Đối với học sinh lớp 10

1. Số lượng học sinh: 499, được biên chế thành 11 lớp.

2. Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc

Học sinh bắt buộc học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ; Lịch sử; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.

3. Các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập

Lớp	Số lượng HS	Các tổ hợp môn học lựa chọn	Chuyên đề học tập
10A1	45	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
10A2	46	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
10A3	46	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
10A4	46	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn , Hóa
10A5	45	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn, Hóa học
10A6	46	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn, Hóa học
10A7	45	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt	Toán, Văn, Sinh học
10A8	45	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt	Toán, Văn, Sinh học
10A9	43	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt	Toán, Văn, Sinh học
10A10	47	Vật lí, Hóa học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	Toán, Vật lý, Hóa học
10A11	45	Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học

B. Đối với học sinh lớp 11

1. Số lượng học sinh: 481, được biên chế thành 11 lớp.

2. Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc

Học sinh bắt buộc học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ; Lịch sử; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.

3. Các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập

Lớp	Số lượng HS	Các tổ hợp môn học lựa chọn	Chuyên đề học tập
11A1	46	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
11A2	43	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
11A3	44	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
11A4	45	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn , Hóa
11A5	41	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn, Hóa học
11A6	43	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn, Hóa học
11A7	45	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt	Toán, Văn, Sinh học
11A8	44	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt	Toán, Văn, Sinh học
11A9	44	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt	Toán, Văn, Sinh học
11A10	43	Vật lí, Hóa học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	Toán, Vật lý, Hóa học
11A11	43	Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học

B. Đối với học sinh lớp 12

1. Số lượng học sinh: 464, được biên chế thành 11 lớp.

2. Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc

Học sinh bắt buộc học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ; Lịch sử; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.

3. Các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập

Lớp	Số lượng HS	Các tổ hợp môn học lựa chọn	Chuyên đề học tập
12A1	44	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
12A2	41	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
12A3	43	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
12A4	45	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Tin học	Toán, Văn , vật lý
12A5	44	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn, Hóa học
12A6	42	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn, Hóa học
12A7	38	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học	Toán, Văn, Hóa học
12A8	45	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt	Toán, Văn, Sinh học
12A9	42	Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ trồng trọt	Toán, Văn, Sinh học
12A10	39	Vật lí, Hóa học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	Toán, Vật lý, Hóa học
12A11	41	Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học

Trên đây là kế hoạch tổ chức lựa chọn nhóm môn học và chuyên đề học tập cho học sinh lớp 10, học sinh lớp 11 và học sinh 12 năm học 2024-2025 của Trường THPT Xuân Diệu. Nhà trường kính trình Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét phê duyệt để Nhà trường làm căn cứ triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT-XD.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Ánh Hồng

PHỤ LỤC
SỐ TIẾT LỚP 10 THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

Lớp	Số lớp	Các môn học bắt buộc/Số tiết								Các môn học lựa chọn/ Số tiết							Môn học chuyên đề/Số tiết							TỔNG TIẾT /NĂM
		Văn	Toán	Anh	Sử	GD TC	QP	HĐ TN HN	GD ĐP	Lý	Hoá	Sinh	Địa	GD KT PL	Tin	CN	Văn	Toán	Lý	Hoá	Sinh	Sử	Địa	
10A1	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70			70	70	70		35	35	35					997
10A2	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70			70	70	70		35	35	35					997
10A3	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70			70	70	70		35	35	35					997
10A4	1	105	105	105	52	70	35	105	35		70		70	70	70		35	35		35				997
10A5	1	105	105	105	52	70	35	105	35		70		70	70	70		35	35		35				997
10A6	1	105	105	105	52	70	35	105	35		70		70	70	70		35	35		35				997
10A7	1	105	105	105	52	70	35	105	35			70	70	70		70	35	35			35			997
10A8	1	105	105	105	52	70	35	105	35			70	70	70		70	35	35			35			997
10A9	1	105	105	105	52	70	35	105	35			70	70	70		70	35	35			35			997
10A10	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70	70			70	70			35	35	35				997
10A11	1	105	105	105	52	70	35	105	35		70	70		70	70			35		35	35			997
TỔNG	11	1155	1155	1155	572	770	385	1155	385	280	350	280	630	770	560	210	315	385	140	175	140			10967

PHỤ LỤC
SỐ TIẾT LỚP 11 THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

Lớp	Số lớp	Các môn học bắt buộc/Số tiết								Các môn học lựa chọn/ Số tiết							Môn học chuyên đề/Số tiết							TỔNG TIẾT /NĂM
		Văn	Toán	Anh	Sử	GD TC	QP	HĐ TN HN	GD ĐP	Lý	Hoá	Sinh	Địa	GD KT PL	Tin	CN	Văn	Toán	Lý	Hoá	Sinh	Sử	Địa	
11A1	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70			70	70	70		35	35	35					997
11A2	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70			70	70	70		35	35	35					997
11A3	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70			70	70	70		35	35	35					997
11A4	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70			70	70	70		35	35	35					997
11A5	1	105	105	105	52	70	35	105	35		70		70	70	70		35	35		35				997
11A6	1	105	105	105	52	70	35	105	35		70		70	70	70		35	35		35				997
11A7	1	105	105	105	52	70	35	105	35		70		70	70	70		35	35		35				997
11A8	1	105	105	105	52	70	35	105	35			70	70	70		70	35	35			35			997
11A9	1	105	105	105	52	70	35	105	35			70	70	70		70	35	35			35			997
11A10	1	105	105	105	52	70	35	105	35	70	70			70	70			35	35	35				997
11A11	1	105	105	105	52	70	35	105	35		70	70		70	70			35		35	35			997
TỔNG	11	1155	1155	1155	572	770	385	1155	385	350	350	210	630	770	630	140	315	385	175	175	105			10967